



STUDY OF THE TAX REVENUE IN ASIAN COUNTRIES: IMPACTS OF THE FINANCIAL INCLUSION

Nguyen Thanh Nha¹, Cao Tan Huy^{1*}

¹University of Finance - Marketing, Vietnam

ARTICLE INFO	ABSTRACT
DOI: 10.52932/jfmr.v16i4.612 <i>Received:</i> September 13, 2024 <i>Accepted:</i> March 21, 2025 <i>Published:</i> August 25, 2025 Keywords: Financial inclusion; Tax revenue; Threshold regression. JEL codes: G18, G28, H29	This paper studies the impact of financial inclusion on tax revenue in the 22 Asian countries from 2005 to 2022. The results show a threshold effect of financial inclusion on tax revenue. In countries that have not yet developed financial inclusion ($FI < -0.1221$), financial inclusion will boost tax revenue. However, when financial inclusion is overdeveloped (countries with FI from 0.1221 to 7.1408), financial inclusion will have a negative impact on tax revenue. The impact is even more significant in countries with $FI > 7.1408$. In addition, the results show that GDP per capita and the proportion of the agricultural sector are not statistically significant. Population growth rate and the proportion of the industrial sector variables were found to reduce tax revenue, while Inflation rate, Urbanization rate, and Trade openness have a positive impact on improving tax revenue.

*Corresponding author:

Email: caohuy@ufm.edu.vn



NGHIÊN CỨU DOANH THU THUẾ TẠI CÁC QUỐC GIA CHÂU Á: TÁC ĐỘNG CỦA TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN

Nguyễn Thanh Nhã¹, Cao Tấn Huy^{1*}

¹Trường Đại học Tài chính - Marketing

THÔNG TIN	TÓM TẮT
DOI: 10.52932/jfmr.v16i4.612	Bài viết nghiên cứu về tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế tại 22 quốc gia Châu Á trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có tồn tại ngưỡng tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế. Tại các quốc gia chưa phát triển tài chính toàn diện ($FI < -0,1221$), tài chính toàn diện sẽ thúc đẩy doanh thu thuế tại các quốc gia này. Tuy nhiên, khi phát triển tài chính toàn diện quá mức (các quốc gia vượt ngưỡng $-0,1221$ và dưới $7,1408$), tài chính toàn diện sẽ tác động tiêu cực với doanh thu thuế, hơn nữa, tại các quốc gia phát triển tài chính toàn diện quá mức ($FI > 7,1408$), tác động này sẽ càng tiêu cực hơn. Ngoài ra, kết quả cho thấy, GDP bình quân đầu người và tỷ trọng ngành nông nghiệp không có ý nghĩa thống kê. Tỷ lệ gia tăng dân số và tỷ trọng ngành công nghiệp tác động làm giảm doanh thu thuế trong khi tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ đô thị hóa và độ mở thương mại có tác động cải thiện doanh thu thuế.
Ngày nhận: 13/09/2024	
Ngày nhận lại: 21/03/2025	
Ngày đăng: 25/08/2025	
Từ khóa: Doanh thu thuế; Hội quy ngưỡng; Tài chính toàn diện.	
Mã JEL: G18, G28, H29	

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hiện nay, thuế giữ vai trò quan trọng trong việc tái phân bổ nguồn lực của Chính phủ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tài trợ cho các hàng hóa, dịch vụ công (Worlu & Nkoro, 2012). Nguồn thu thuế không chỉ là mục tiêu mà còn là công cụ để nâng cao phúc lợi xã hội và đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước (Ebi, 2018). Với vai trò là nguồn tài

chính chủ chốt của Nhà nước, những biến động trong nguồn thu từ thuế có thể tác động đến chi tiêu và đầu tư công, qua đó ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Do đó, việc dự báo chính xác nguồn thu thuế là điều kiện cần thiết để hoạch định các chính sách tài khóa hiệu quả hơn. Và một trong những cách để cải thiện doanh thu thuế là giảm thiểu nền “kinh tế ngầm”, các hoạt động kinh tế chưa được ghi nhận. Doanh thu thuế trung bình của các quốc gia trên thế giới từ 2005-2020 đã giảm, đặc biệt sau cuộc khủng hoảng tài chính 2008, từ 14,79% xuống còn 13,55% vào năm 2020. Điều này thúc đẩy

*Tác giả liên hệ:

Email: caohuy@ufm.edu.vn

nghiên cứu và chính phủ khám phá các mô hình với các yếu tố như tăng tổng giá trị ngành nông nghiệp, công nghiệp và mở rộng thương mại để tăng doanh thu thuế (Oz-Yalaman, 2019; Nnyanzi và cộng sự, 2018). Tuy nhiên, các yếu tố này khác nhau ở mỗi quốc gia, nên đóng góp vào tăng trưởng doanh thu thuế chỉ ở mức độ nhất định. Hiện nay, tài chính toàn diện đang được chú trọng vì tiềm năng đóng góp vào tăng trưởng doanh thu thuế.

Nhiều nghiên cứu gần đây của Omojola và cộng sự (2022), Al-Own và Bani-Khalid (2021), và Oz-Yalaman (2019) chỉ ra rằng, tài chính toàn diện có thể cải thiện doanh thu thuế quốc gia thông qua việc giảm quy mô của nền kinh tế ngầm (Akçay và cộng sự, 2016). Các quốc gia trên thế giới nói chung và khu vực Châu Á nói riêng đang đẩy mạnh hệ thống tài chính toàn diện nhằm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế. World Bank (2015) đã chỉ ra khi mức độ tài chính toàn diện tăng 10%, GDP bình quân đầu người có thể tăng thêm 0,3%. Tương tự, nghiên cứu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho thấy việc mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính ở các nước thu nhập thấp có thể dẫn đến sự gia tăng đáng kể GDP bình quân đầu người. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này phải đánh đổi bằng việc doanh thu thuế ngày càng giảm. Tại Châu Á, doanh thu thuế trong giai đoạn 2005-2022 chỉ tăng trưởng nhẹ từ 9,86% lên 10,29%, thậm chí trong ba năm gần đây có xu hướng giảm dần, một phần do ảnh hưởng của tài chính toàn diện.

Tài chính toàn diện không chỉ tác động phi tuyến mà còn ảnh hưởng đến doanh thu thuế ở một mức độ nhất định. Vì vậy, nghiên cứu tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế bằng phương pháp hồi quy ngưỡng có thể cung cấp cái nhìn tổng quan về ảnh hưởng của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế tại các quốc gia trong khu vực Châu Á. Từ đó, tác giả có thể rút ra các chính sách phù hợp cho nhóm quốc gia này và cả Việt Nam.

Việc nghiên cứu này sẽ giúp cung cấp thông tin cần thiết để các quốc gia có thể điều chỉnh chiến lược tài chính của mình sao cho hài hòa

giữa việc mở rộng tiếp cận tài chính và duy trì các nguồn thu từ thuế, đồng thời đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

Dựa vào lý thuyết trung gian tài chính của Diamond (1984), lý thuyết thông tin bất cân xứng của George (1970), thời gian qua đã có nhiều nghiên cứu thực nghiệm nghiên cứu về doanh thu thuế dưới tác động của tài chính toàn diện. Đầu tiên là những nghiên cứu tác động tuyến tính của tài chính toàn diện lên doanh thu thuế. Ahamed (2016) đã nghiên cứu tầm quan trọng của tài chính toàn diện đối với việc trốn thuế của các doanh nghiệp. Phân tích dữ liệu từ 42 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn từ 2003 đến 2010, nghiên cứu chỉ ra rằng, các doanh nghiệp tại các quốc gia có hệ thống tài chính phát triển hơn thường có mức độ trốn thuế thấp hơn. Kết quả này càng được củng cố mạnh mẽ hơn tại các quốc gia có hệ thống pháp lý kiên cố hơn và tỷ lệ khu vực kinh tế phi chính thức nhỏ hơn. Những phát hiện này bổ sung thêm bằng chứng cho thấy, việc thực hiện các chính sách nhằm phát triển tài chính toàn diện có thể góp phần giảm thiểu hành vi trốn thuế trong các nước đang phát triển. Ajide và Bankefa (2017) đã nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động hệ thống tài chính đến thu thuế tại Nigeria từ 1981 đến 2014. Áp dụng phương pháp ARDL, phân tích nhân quả, phân tích phương sai và phản ứng xung, nghiên cứu đã chỉ rõ sự ảnh hưởng của các yếu tố như phát triển thị trường chứng khoán, phát triển ngân hàng và khủng hoảng ngân hàng đến quá trình thu thuế. Kết quả cho thấy, chính phủ cần sử dụng hệ thống tài chính một cách hiệu quả để tăng cường hiệu quả thu ngân sách và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu về mối quan hệ giữa dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tăng trưởng kinh tế và tổng doanh thu thuế tại 33 quốc gia OECD trong giai đoạn 1995-2014 của Bayar và cộng sự (2017) đã sử dụng phương pháp đồng liên kết dữ liệu Westerlund-Durbin-Hausman (2008) phát triển bởi Westerlund (2008) và thử nghiệm nhân quả dữ liệu của Dumitrescu và Hurlin (2012). Kết quả cho thấy một mối liên

kết chặt chẽ giữa FDI, tăng trưởng kinh tế và tổng nguồn thu thuế. Hơn nữa, có mối quan hệ nhân quả một chiều từ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tổng doanh thu và mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa tăng trưởng kinh tế và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Kết quả nghiên cứu của Nnyanzi và cộng sự (2018) về ảnh hưởng của phát triển tài chính đến thuế tại các quốc gia Đông Phi trong giai đoạn 1990-2014 bằng phương pháp GMM khẳng định vai trò thiết yếu của phát triển tài chính, cả về mặt các tổ chức tài chính lẫn thị trường tài chính, đối với việc gia tăng nguồn thu thuế trong khu vực. Việc phân chia bộ đôi này cho thấy rằng, chiều sâu của các tổ chức tài chính có ý nghĩa rất quan trọng đối với doanh thu thuế, với 1% thay đổi dự kiến sẽ mang lại khoảng 0,26% thay đổi trong thu thuế. Tiếp theo là mức độ tiếp cận, độ sâu và hiệu quả của thị trường tài chính. Kết quả không tìm thấy bằng chứng quan trọng ủng hộ việc tiếp cận thị trường tài chính và hiệu quả của các tổ chức tài chính mặc dù khả năng về sau dường như không thể chấp nhận được. Bằng chứng chi tiết hơn đã chỉ ra rằng, một môi trường thể chế và chính trị lành mạnh có vai trò như một yếu tố xúc tác để đạt được tỷ lệ thu thuế trên GDP cao hơn thông qua phát triển tài chính. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách thúc đẩy chiều sâu và khả năng tiếp cận của các tổ chức tài chính, cũng như hiệu quả của thị trường tài chính ở Đông Phi. Đồng thời, việc tăng cường các chương trình chống tham nhũng và cải thiện quản trị dân chủ được xem là yếu tố có khả năng cải thiện kết quả tài chính, qua đó hỗ trợ việc thu thuế trong nước, đóng góp vào việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc. Kết quả nghiên cứu còn xác nhận tác động tích cực của các yếu tố như thu nhập thuế bị trễ, GDP bình quân đầu người, độ mở thương mại, tỷ lệ nợ trên GDP và mật độ dân số đến nỗ lực thu thuế. Oz-Yalaman (2019) đã tiến hành nghiên cứu về mối quan hệ giữa tài chính toàn diện và doanh thu thuế tại 137 quốc gia từ 2011-2017, sử dụng dữ liệu từ Global Findex. Kết quả phân tích cho thấy mối liên hệ đáng kể và tích cực giữa tài chính toàn

diện và nguồn thu từ thuế, khẳng định vai trò quan trọng của tài chính toàn diện trong việc xác định nguồn thu này. Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong việc tăng cường các nguồn thu khác nhau như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và thuế trực thu. Các nhà hoạch định chính sách khắp nơi trên thế giới được khuyến khích khai thác tiềm năng này để cải thiện khả năng thu thuế bằng cách thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện. Tsaurai (2020) đã nghiên cứu ảnh hưởng của thuế và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến sự phát triển tài chính tại các thị trường mới nổi từ 2001 đến 2017. Kết quả nghiên cứu bằng GMM cho thấy, sự phát triển tài chính chịu ảnh hưởng tích cực bởi độ trễ của chính nó và FDI, trong khi tác động của thuế lên sự phát triển tài chính thì ít rõ rệt hơn. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, sự kết hợp của thuế và FDI mang lại tác động tích cực đáng kể đến sự phát triển tài chính, khuyến khích các thị trường mới nổi tăng cường thu thuế để cải thiện sự phát triển tài chính. Nghiên cứu cũng khuyến nghị thực hiện đồng thời các chính sách này cùng với các chương trình thu hút dòng vốn FDI nếu các nước này có ý định tăng cường phát triển khu vực tài chính. Nghiên cứu của Al-Own và Bani-Khalid (2021) khảo sát mối quan hệ giữa tài chính toàn diện và thuế tại 28 quốc gia châu Âu từ 2011 đến 2017. Kết quả nghiên cứu dựa trên dữ liệu từ Global Findex thể hiện sự gia tăng trong số người được hỗ trợ tài chính đã dẫn đến tăng nguồn thu thuế của chính phủ, nhờ vào tỷ lệ người dân sở hữu tài khoản ngân hàng và thẻ tín dụng cao hơn. Phân tích cho thấy một tác động tích cực và đáng kể của tài chính toàn diện lên các biện pháp thu thuế, làm rõ tầm quan trọng của tài chính toàn diện trong việc xác định nguồn thu thuế ở Châu Âu. Nghiên cứu về tác động của thuế đối với tăng trưởng kinh tế của Tsaurai (2021) tại các thị trường mới nổi từ 2008 đến 2018 bằng phương pháp GMM, FEM, REM và OLS cho thấy, sự kết hợp của thuế và phát triển tài chính có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến tăng trưởng kinh tế, nhấn mạnh vai trò của phát triển tài chính trong việc củng cố tác động của thuế đối với tăng trưởng. Lompo (2024) đã tiến hành

nghiên cứu ảnh hưởng của phát triển tài chính đến khả năng huy động nguồn thu thuế ở các nước đang phát triển từ 1995-2017. Phân tích dữ liệu bảng cho thấy, sự phát triển của các lĩnh vực tài chính có tác động tích cực và đáng kể đến việc tăng nguồn thu từ thuế. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, phát triển tài chính thúc đẩy đáng kể doanh thu từ thuế trực thu so với thuế gián thu. Đặc biệt, tác động này phụ thuộc vào các yếu tố như mức độ phát triển kinh tế, độ mở của thị trường tài chính, và chính sách tài khóa của các quốc gia này. Kết quả cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các tổ chức tài chính và thị trường tài chính đối với doanh thu thuế, dù hiệu quả của thị trường tài chính có biến động không đáng kể.

Tiếp theo, các nghiên cứu đi sâu vào tác động phi tuyến của tài chính toàn diện đối với doanh thu thuế cho thấy sự phức tạp trong mối quan hệ này. Raouf (2022) nghiên cứu về tác động phi tuyến của tài chính toàn diện lên doanh thu thuế, sử dụng dữ liệu từ 45 quốc gia thuộc Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi từ 2008-2019. Nghiên cứu này đã áp dụng mô hình hồi quy ngưỡng bằng để xác định mối liên hệ giữa những thay đổi trong doanh thu thuế và tài chính toàn diện, đồng thời sử dụng phương pháp tổng quát về mô hình khoảng khắc để đảm bảo tính chắc chắn của kết quả. Phát hiện chính của nghiên cứu chỉ ra một mối quan hệ phi tuyến tính: tại mức độ thấp, tài chính toàn diện có ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu thuế, nhưng khi tài chính toàn diện đạt mức cao, nó lại có tác động tích cực và đáng kể đến doanh thu thuế. Nguyen The và cộng sự (2024) nghiên cứu tác động phi tuyến tính của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế của 21 quốc gia phát triển tài chính thấp (LFDC) và 22 quốc gia phát triển tài chính cao (HFDC) từ năm 2004 đến năm 2020. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu từ IMF để tính toán chỉ số phát triển tài chính trung bình toàn cầu ($\overline{FD}$) cho các quốc gia, phân biệt giữa các quốc gia có mức độ phát triển tài chính cao (HFDC) và thấp (LFDC). Trong bài toán với mẫu nhỏ, phương pháp Bayesian được áp dụng để khảo sát tác động phi tuyến của tài chính toàn diện đến nguồn thu thuế của

hai nhóm quốc gia này. Kết quả chỉ ra rằng, tài chính toàn diện có tác động tiêu cực lên doanh thu thuế ở LFDC với xác suất 100% và ở HFDC với xác suất 92,45%. Đặc biệt, ngưỡng tiếp cận tài chính cho LFDC là 18,90, dưới đó tài chính toàn diện lại thúc đẩy doanh thu thuế, trong khi ngưỡng cho HFDC là 20,14, ở đó tài chính toàn diện bắt đầu có ảnh hưởng tiêu cực với xác suất tương tự.

Các nghiên cứu trên hầu hết tập trung vào việc xem xét tác động tuyến tính của tài chính toàn diện lên doanh thu thuế, điều này đã tạo ra một khoảng trống trong nghiên cứu về tác động phi tuyến của tài chính toàn diện, đặc biệt là trong bối cảnh các nền kinh tế đang phát triển tại Châu Á, nơi có đặc điểm và cơ cấu kinh tế khác biệt rõ rệt so với các khu vực khác, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về phạm vi nghiên cứu, các nghiên cứu trước đây hầu hết tập trung vào việc xem xét tác động tuyến tính của tài chính toàn diện lên doanh thu thuế. Các bài nghiên cứu về tác động phi tuyến hiện rất ít, và chủ yếu dừng lại ở việc xem xét các quốc gia đơn lẻ hoặc nhóm quốc gia Châu Âu. Điều này đã tạo ra một khoảng trống trong nghiên cứu về tác động phi tuyến của tài chính toàn diện, đặc biệt là tại các nền kinh tế đang phát triển tại Châu Á, nơi có đặc điểm và cơ cấu kinh tế khác biệt rõ rệt so với các khu vực khác. Trong nghiên cứu này, tác giả đã thực hiện đánh giá tác động phi tuyến của tài chính toàn diện lên doanh thu thuế tại các quốc gia Châu Á. Bằng cách tập trung vào khu vực này, nghiên cứu không chỉ mở rộng phạm vi địa lý mà còn bổ sung kiến thức về cách mà tài chính toàn diện có thể ảnh hưởng đến doanh thu thuế trong bối cảnh các nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng và có sự đa dạng lớn về cấu trúc tài chính.

Thứ hai, về phương pháp và phạm vi nghiên cứu, các nghiên cứu trước đây đã sử dụng đa dạng các phương pháp như Pooled OLS, FEM, FGLS, GMM. Tuy nhiên, các kết quả thu được từ những phương pháp này thường trái ngược nhau, không đồng nhất và đôi khi còn mâu thuẫn, dẫn đến khó khăn trong việc rút ra kết

luận chính xác về tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế. Đặc biệt, tại Châu Á, doanh thu thuế trong giai đoạn 2005-2022 chỉ tăng trưởng rất khiêm tốn từ 9,86% lên 10,29%, thậm chí trong ba năm gần đây còn có xu hướng giảm dần. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng này chính là tác động của tài chính toàn diện. Chính vì vậy, nghiên cứu tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế bằng phương pháp hồi quy ngưỡng (threshold regression) có thể cung cấp cái nhìn tổng quan và chi tiết hơn về tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế ở các quốc gia khu vực Châu Á. Phương pháp hồi quy ngưỡng cho phép xác định các ngưỡng quan trọng mà tại đó tác động của tài chính toàn diện bắt đầu có hiệu lực, mang lại hiểu biết sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa tài chính toàn diện và doanh thu thuế. Từ đó, tác giả có thể rút ra các chính sách phù hợp cho nhóm quốc gia Châu Á và cụ thể là cho Việt Nam, nhằm tăng cường hiệu quả của hệ thống tài chính, cải thiện doanh thu thuế và hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững. Những chính sách này có thể bao gồm việc tăng cường tiếp cận các dịch vụ tài chính cho mọi tầng lớp dân cư, thúc đẩy minh bạch tài chính, và giảm thiểu kinh tế ngầm, từ đó góp phần nâng cao doanh thu thuế và phát triển bền vững.

Thứ ba, về mặt đo lường, biến tài chính toàn diện không thể đo lường chỉ từ một biến đơn lẻ mà phải là tổ hợp của nhiều biến khác nhau, bao gồm các biến thể hiện độ sâu, khả năng truy cập và hiệu quả của hệ thống tài chính. Do đó, việc chọn ra tổ hợp các biến đo lường tài chính toàn diện phù hợp với phạm vi nghiên cứu sẽ khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh và đặc điểm cụ thể của từng quốc gia hoặc khu vực. Trong nghiên cứu này, tác giả kế thừa các nghiên cứu của Oanh và cộng sự (2023) và Nguyen The và cộng sự (2024) – những nghiên cứu đã xây dựng các biến đo lường tài chính toàn diện theo góc nhìn cung cầu từ thị trường tài chính. Cụ thể, tác giả xây dựng thước đo tài chính toàn diện là tổ hợp của 6 biến, bao gồm 2 biến từ phía cung và 4 biến từ phía cầu.

Các biến từ phía cung bao gồm:

Dư nợ cho vay từ các ngân hàng thương mại (NHTM) (LCB): Biến này đo lường tổng số dư nợ cho vay của các NHTM, thể hiện mức độ tín dụng được cung cấp cho nền kinh tế.

Dư nợ tiền gửi tại các NHTM (DCB): Biến này đo lường tổng số dư nợ tiền gửi tại các NHTM, phản ánh mức độ huy động vốn từ nền kinh tế.

Các biến từ phía cầu bao gồm:

Số chi nhánh ngân hàng thương mại trên 1000 km² (CBBP): Biến này đo lường mức độ phổ biến của các chi nhánh ngân hàng trong một khu vực địa lý nhất định.

Số chi nhánh ngân hàng thương mại trên 100000 người lớn (CBP): Biến này đo lường mức độ tiếp cận dịch vụ ngân hàng theo dân số trưởng thành.

Số lượng ATM trên 1000 km² (ATMKM): Biến này đo lường mức độ phân bố của các máy rút tiền tự động trong một khu vực địa lý nhất định.

Số lượng ATM trên 100000 người lớn (ATM): Biến này đo lường mức độ tiếp cận các dịch vụ ATM theo dân số trưởng thành.

Ưu điểm của tổ hợp các biến này là khả năng áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn cầu, đồng thời phù hợp với nhóm các quốc gia thuộc khu vực Châu Á. Việc sử dụng tổ hợp này giúp phản ánh một cách toàn diện và chính xác hơn về mức độ phát triển tài chính toàn diện trong một quốc gia, từ đó cung cấp cơ sở dữ liệu vững chắc để phân tích tác động của tài chính toàn diện lên doanh thu thuế.

3. Mô hình nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên nghiên cứu gần đây của Nguyễn Thế Bình và cộng sự (2024), tác giả thiết lập

mô hình nghiên cứu hồi quy nghiên cứu tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế như sau:

$$TAXR_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 FI_{i,t} I(FI_{i,t} \leq \gamma) + \beta_2 FI_{i,t} I(FI_{i,t} > \gamma) + \beta_x X_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (1)$$

Trong đó:

TAXR: Doanh thu thuế các quốc gia (i) tại thời điểm t

FI: Tài chính toàn diện

γ : là giá trị ngưỡng

$\varepsilon_{i,t}$ là sai số được giả định là độc lập

Hệ số ước lượng β_1 , β_2 tương ứng với từng ngưỡng khác nhau

$X_{i,t}$ là vectơ các biến kiểm soát, được trình bày cụ thể trong bảng 1

Tổng hợp các biến trong mô hình nghiên cứu xem tại Phụ lục 1 (xem Phụ lục 1 online).

3.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu tiến hành nghiên cứu tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế tại 22 quốc gia khu vực Châu Á giai đoạn 2005-2022, gồm Armenia, Azerbaijan, Bangladesh, Bhutan, Trung Quốc, Indonesia, Ấn Độ, Kazakhstan, Kyrgyz, Campuchia, Hàn Quốc, Maldives, Myanmar, Mongolia, Malaysia, Nepal, Pakistan, Philippines, Singapore, Thái Lan, Tajikistan, Uzbekistan.

Theo Hansen (1999), giả định các biến kiểm soát trong mô hình được giả định ngoại sinh và sử dụng phương pháp tác động cố định (FEM) để ước lượng mô hình hồi quy ngưỡng. Tuy nhiên trong thực tế, các biến này có thể bị tự tương quan, phương sai thay đổi và nội sinh dẫn đến việc ước lượng các tham số có thể bị chệch. Để khắc phục vấn đề này, mô hình hồi quy ngưỡng với biến ngưỡng nội sinh được áp dụng cho dữ liệu bảng. Và gần đây, mô hình bảng dữ liệu bảng động với tác động ngưỡng và vấn đề nội sinh được hình thành. Tuy nhiên, những mô hình trên đều đang trong quá trình tranh luận. Do đó, mặc dù phương pháp này

còn có những hạn chế nhất định về mặt giả định, nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy ngưỡng của Hansen (1999) với phương pháp tác động cố định, kỳ vọng tìm ra giá trị ngưỡng của tài chính toàn diện.

4. Kết quả thực nghiệm tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế các quốc gia khu vực Châu Á

4.1. Thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả các biến nghiên cứu trong giai đoạn 2005-2022 với tổng cộng 396 quan sát (xem Phụ lục 2 online). Kết quả cho thấy rằng, biến TAXR (doanh thu thuế) có giá trị trung bình là 13,0009% và độ lệch chuẩn là 3,6448%. Giá trị cao nhất của biến TAXR đạt 28,71%, trong khi giá trị thấp nhất là 2,7570%. Đối với biến FI (tài chính toàn diện), giá trị trung bình là 3,3315 và độ lệch chuẩn là 1,9264. Biến FI dao động từ -1,0403 đến 8,4148 trong giai đoạn nghiên cứu, cho thấy sự biến động mạnh mẽ của cả hai biến trong thời gian này.

Phụ lục 3 (xem Phụ lục 3 online) trình bày kết quả kiểm định tương quan các biến cho thấy biến FI, UR, OPEN có tương quan dương với TAXR, các biến còn lại tương quan âm. Có sự tương quan cao giữa các biến AGRI và POP, UR và OPEN. Do đó, tác giả tiếp tục kiểm tra đa cộng tuyến giữa các biến.

Hệ số VIF (variance inflation factor) được sử dụng để kiểm tra vấn đề đa cộng tuyến. Hiện tượng đa cộng tuyến không xảy ra nếu hệ số VIF của các biến nhỏ hơn 10. Tất cả hệ số VIF đều nhỏ hơn 10 (xem Phụ lục 4 online), đồng nghĩa hiện tượng đa cộng tuyến không xảy ra trong mô hình hồi quy.

4.2. Kết quả hồi quy ngưỡng

4.2.1. Kiểm định hiệu ứng ngưỡng

Đầu tiên, tác giả hồi quy mô hình ngưỡng đơn, với giả thuyết không $H_0: \beta_1 = \beta_2$ (không có hiệu ứng ngưỡng). Tác giả sử dụng 300 lần lặp bootstrap nhằm kiểm định hiệu ứng ngưỡng có tồn tại hay không.

Bảng 1. Kiểm tra hiệu ứng ngưỡng đơn

Ngưỡng	RSS	MSE	Thống kê F	Xác suất	Crit10	Crit5	Crit1
Đơn	3849,5809	10,2930	64,62	0,0000***	36,4444	43,3544	51,2494

Kết quả từ Bảng 1 bác bỏ giả thiết H_0 tại mức ý nghĩa 1%, điều đó đồng nghĩa tồn tại hiệu ứng ngưỡng trong mô hình ngưỡng đơn. Nói một cách khác, quan hệ giữa FI và TAXR là phi tuyến, và tồn tại ít nhất một ngưỡng trong mối quan hệ này.

4.2.2. Xác định số ngưỡng trong mô hình

Tiếp theo, tác giả sẽ xác định số lượng ngưỡng trong mô hình, tác giả tiến hành hồi quy mô hình với nhiều ngưỡng khác nhau, gồm ngưỡng đơn, ngưỡng đôi (double-threshold) và ngưỡng ba (triple-threshold), với số lần lặp bootstrap cho kiểm định hiệu ứng ngưỡng không đổi là 300. Thống kê F và kết quả xác suất (P-value) được trình bày tại Bảng 2 và 3.

Bảng 2. Kiểm tra hiệu ứng ngưỡng đôi

Ngưỡng	RSS	MSE	Thống kê F	Xác suất	Crit10	Crit5	Crit1
Đơn	3849,581	10,293	64,62	0,0100***	35,4142	41,4758	56,5707
Đôi	3478,922	9,3019	39,85	0,0267**	12,9708	16,5205	88,1989

Bảng 2 cho thấy, mô hình tồn tại ngưỡng đôi với mức ý nghĩa 5%. Với giá trị thống kê $F = 16,32$ chưa vượt các giá trị ngưỡng Crit10, Crit5 và Crit1. Do đó chưa có cơ sở bác bỏ H_0 .

Do đó, mô hình không tồn ngưỡng ba. Tiếp theo tác giả tiếp tục thực hiện hồi quy ngưỡng đôi tác động FI đến TAXR tại các quốc gia Châu Á.

Bảng 3. Kiểm tra hiệu ứng ngưỡng ba

Ngưỡng	RSS	MSE	Thống kê F	Xác suất	Crit10	Crit5	Crit1
Đơn	3849,581	10,293	64,62	0,000***	36,1234	41,9739	51,6885
Đôi	3478,922	9,3019	39,85	0,0267**	13,5614	18,1795	90,0993
Ba	3333,469	8,913	16,32	0,1200	18,0846	23,8083	52,5084

4.2.3. Kết quả hồi quy ngưỡng ba

Bảng 4. Giá trị ngưỡng trong mô hình

Ngưỡng	Giá trị ngưỡng	Giới hạn dưới	Giới hạn trên
	-0,1221	-0,7980	0,4759
	7,1408	7,1197	7,8623

Nhằm xác định giá trị ngưỡng, tác giả tiến hành ước lượng lại mô hình ngưỡng đôi. Kết quả cho thấy giá trị ngưỡng γ_1 là -0,1221 và γ_2

là 7,1408. Kết quả hồi quy được trình bày cụ thể trong bảng 9. Kết quả cho thấy, ngoại trừ biến GDP và AGRI, các biến còn lại đều có ý nghĩa

thống kê. Đối với FI: Khi $FI < -0,1221$, FI tác động tích cực đến TAXR ở mức 10,5949 và có ý nghĩa thống kê 1%. Khi $-0,1221 < FI < 7,1408$ và $FI > 7,1408$, FI tác động tiêu cực đến TAXR ở

mức 0,4546 và 1,5441 và đều có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Hơn nữa, kết quả cho thấy thống kê t là 243,61, với xác suất là $0,0000 < 5\%$, mô hình phù hợp.

Bảng 5. Kết quả hồi quy ngưỡng đôi

Biến	Hệ số	Sai số chuẩn	Thống kê t	Xác suất
GDP	0,0217	0,0220	0,9900	0,3370
INF	0,0766	0,0385	1,9900	0,0630*
UR	0,0701	0,0109	6,4300	0,0000***
POP	-0,8487	0,2345	-3,6200	0,0020***
OPEN	0,0299	0,0037	8,0300	0,0000****
AGRI	0,0098	0,0349	0,2800	0,7820
IND	-0,0802	0,0174	-4,6000	0,0000***
Cons	11,9043	1,8839	6,3200	0,0000***
FI ($FI < -0,1221$)	10,5949	0,6432	16,4700	0,0000***
FI ($-0,1221 < FI < 7,1408$)	-0,4546	0,1429	-3,1800	0,0050***
FI ($FI > 7,1408$)	-1,5441	0,1687	-9,1500	0,0000***

Thống kê t: 243,61

Xác suất: 0,000***

Kết quả nghiên cứu (Bảng 5) cho thấy, FI tồn tại ngưỡng đôi, cụ thể khi $FI < -0,1221$, tác động của FI đến TAXR là tích cực. Khi $-0,1221 < FI < 7,1408$ và $FI > 7,1408$, FI tác động tiêu cực đến TAXR. Điều này ngụ ý, tại các quốc gia chưa có tài chính toàn diện phát triển (tức FI thấp và nhỏ hơn -0,1221), FI thúc đẩy doanh thu thuế tại các quốc gia này. Nguyên nhân xuất phát từ hệ thống tài chính tài diện tại các quốc gia này còn đơn sơ và độ bao phủ còn thấp, cộng thêm hệ thống thuế còn yếu sẽ tồn tại việc trốn và tránh thuế. Từ đó, sự phát triển của tài chính toàn diện, khiến cho quá trình chuyển đổi từ giao dịch tiền mặt sang các sử dụng tài khoản tài chính trở nên thuận tiện hơn, giúp tăng khả năng kiểm soát và thanh tra. Điều này không chỉ thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các giao dịch tài chính mà còn góp phần giảm thiểu kích thước của nền “kinh tế ngầm”, và sẽ có ảnh hưởng tích cực đến việc tăng cường nguồn thu thuế cho chính phủ. Kết quả này ủng hộ lý trung gian tài chính của Diamond (1984) và thông tin bất cân xứng của

George (1970). Tuy nhiên, khi phát triển tài chính toàn diện quá mức (các quốc gia vượt ngưỡng -0,1221 và dưới 7,1408), tác động của tài chính toàn diện sẽ tác động tiêu cực với doanh thu thuế, hơn nữa, tại các quốc gia phát triển tài chính toàn diện quá mức ($FI > 7,1408$), tác động này sẽ càng tiêu cực hơn. Qua đó cho thấy, tại các quốc gia có mức tài chính toàn diện phát triển hơn, việc tài trợ tài chính toàn diện sẽ kích thích sự phát triển nóng từ khu vực sản xuất và dịch vụ dẫn đến lạm phát gia tăng, ảnh hưởng chi phí đầu vào và dòng tiền ra - vào thị trường tài chính, dẫn tới sự mất ổn định khu vực sản xuất và dịch vụ, gây mất ổn định kinh tế, qua đó doanh thu thuế sẽ giảm (Oanh và cộng sự, 2023).

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chứng tỏ tài chính toàn diện tác động phi tuyến đến doanh thu thuế.

Cụ thể, khi $FI < -0,1221$, tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế là tích cực. Khi $-0,1221 < FI < 7,1408$ và $FI > 7,1408$, tài chính toàn diện tác động tiêu cực đến doanh thu thuế. Điều này ngụ ý, tại các quốc gia chưa có tài chính toàn diện phát triển (tức FI thấp và nhỏ hơn $-0,1221$), FI thúc đẩy doanh thu thuế tại các quốc gia này. Tuy nhiên, khi phát triển tài chính toàn diện quá mức (các quốc gia vượt ngưỡng $-0,1221$ và dưới $7,1408$), tác động của tài chính toàn diện sẽ tác động tiêu cực với doanh thu thuế, hơn nữa, tại các quốc gia phát triển tài chính toàn diện quá mức ($FI > 7,1408$), tác động này sẽ càng tiêu cực hơn. Ngoài ra, kết quả cho thấy GDP bình quân đầu người và tỷ trọng ngành nông nghiệp không có ý nghĩa thống kê. Tỷ lệ gia tăng dân số và tỷ trọng ngành công nghiệp giảm doanh thu thuế trong khi đó các biến còn lại cải thiện doanh thu thuế.

5.2. Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu tác động của tài chính toàn diện đến doanh thu thuế tại 22 quốc gia Châu Á, tác giả đề xuất khuyến nghị cho Việt Nam trong quá trình thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện của quốc gia đến năm 2025 và định hướng đến năm 2023 như sau:

Thứ nhất, cải thiện hệ thống tài chính toàn diện nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cụ thể:

Bổ trí thêm thiết bị giao dịch cho thẻ ngân hàng tại các địa bàn có điều kiện khó khăn, mở rộng lắp đặt các ATM có chức năng gửi tiền và phát hành thẻ để thuận tiện cho khách hàng khi có nhu cầu phát hành thẻ hoặc nộp tiền vào tài khoản phục vụ việc giao dịch thanh toán bằng thẻ ngân hàng;

Đa dạng hoá tiện ích và đơn giản hoá giao diện của các ứng dụng ngân hàng điện tử trên điện thoại thông minh để thu hút nhiều khách hàng sử dụng các ứng dụng này trong việc mở tài khoản, phát hành thẻ, nộp tiền; Các tính năng thân thiện với người dùng và bảo mật cao sẽ khuyến khích người dân tiếp cận với các dịch vụ tài chính trực tuyến, giúp giảm thiểu sử dụng tiền mặt và tăng cường thanh toán không tiền mặt trong nền kinh tế;

Xem xét tiếp tục giảm hoặc miễn các loại phí liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán cũng như phát hành và sử dụng thẻ ngân hàng (phí mở tài khoản, phí duy trì tài khoản, phí phát hành thẻ, phí rút tiền, phí chuyển tiền,...), đặc biệt là đối với những khách hàng thuộc đối tượng có thu nhập không cao (học sinh, sinh viên, công nhân, người về hưu...);

Mở rộng liên kết và miễn hoặc giảm phí giao dịch tại ATM của các ngân hàng ngoài hệ thống nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng của các ngân hàng được sử dụng ATM của ngân hàng khác để giao dịch...

Thứ hai, khuyến khích sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức: Đẩy mạnh việc chuyển đổi thanh toán từ tiền mặt sang các khoản thanh toán qua tài khoản tài chính. Việc này sẽ tăng tính minh bạch và giảm sự phụ thuộc vào tiền mặt, từ đó giúp theo dõi và kiểm toán dễ dàng hơn, đồng thời tăng nguồn thu thuế.

Thứ ba, chính thức hóa kinh tế phi chính thức: Bằng cách tích hợp các hoạt động kinh tế phi chính thức vào hệ thống tài chính chính thức, thông qua việc cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện và dễ tiếp cận, chính sách này hướng tới việc thu hẹp quy mô của nền kinh tế ngầm. Điều này không những giúp tăng cường tính minh bạch mà còn nâng cao số lượng giao dịch được ghi nhận trong hệ thống thuế, qua đó cải thiện hiệu quả thu thuế.

Thứ tư, tăng cường tính minh bạch và tuân thủ thuế: Việc cải thiện tính minh bạch trong các giao dịch tài chính sẽ làm giảm khả năng trốn thuế và các hoạt động tài chính bất hợp pháp. Các quy định pháp lý nghiêm ngặt và hiệu quả sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tuân thủ thuế từ phía cá nhân và doanh nghiệp

Thứ năm, khuyến khích đầu tư vào các tài sản có giá trị cao hơn: Bằng cách tăng cường việc tiếp cận với các dịch vụ tài chính chính thức, cá nhân và doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ hội đầu tư vào các lĩnh vực như giáo dục, chăm sóc sức khỏe và mở rộng kinh doanh. Điều này sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện thu

nhập và tăng cường khả năng thu thuế từ thu nhập cá nhân.

Thứ sáu, đẩy mạnh công nghệ và hạ tầng tài chính: Đầu tư vào công nghệ thông tin và hạ

tầng tài chính hiện đại làm nền tảng cho việc cải thiện tài chính toàn diện. Việc áp dụng các công nghệ mới sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và thu thuế.

Tài liệu tham khảo

- Ahamed, M. M. (2016). Does inclusive financial development matter for firms' tax evasion? Evidence from Wdeveloping countries. *Economics Letters*, 149, 15-19. <https://doi.org/10.1016/j.econlet.2016.10.003>
- Ajide, F. M., & Bankefa, O. I. (2017). Does financial system influence tax revenue? The case of Nigeria. *African Journal of Economic Review*, 5(3), 15-33.
- Akçay, S., Sağbaş, İ., & Demirtaş, G. (2016). Financial development and tax revenue nexus in Turkey. *Journal of Economics and Development Studies*, 4(1), 103-108. <http://dx.doi.org/10.15640/jeds.v4n1a10>
- Al-Own, B., & Bani-Khalid, T. (2021). Financial inclusion and tax revenue: Evidence from Europe. *International Journal of Financial Research*, 12(2), 27-42. <https://doi.org/10.5430/ijfr.v12n2p27>
- Bayar, Y., Şaşmaz, M. Ü., & Öztürk, Ö. F. (2017). Financial development and tax revenues: Evidence from OECD countries. *Eurasian Academy of Sciences Eurasian Business & Economics Journal*, 12, 51-63.
- Nguyen The, B., Oanh, T. T. K., Le, Q. D., & Nguyen, T. H. H. (2024). Nonlinear impact of financial inclusion on tax revenue: evidence from the Monte-Carlo simulation algorithm under the Bayesian approach. *Journal of Economic Studies*, 52(2), 393-411. <https://doi.org/10.1108/JES-01-2024-0010>
- Diamond, D. W. (1984). Financial intermediation and delegates monitoring. *The Review of Economic Studies*, 51(3), 393-414. <http://doi.org/10.2307/2297430>
- Dumitrescu, E.-I., & Hurlin, C. (2012). Testing for Granger non-causality in heterogeneous panels. *Economic Modelling*, 29(4), 1450-1460. <https://doi.org/10.1016/j.econmod.2012.02.014>
- Ebi, B. O. (2018). Financial sector development and tax revenue in Nigeria. *International Journal of Economics, Commerce and Management*, 6(6), 93-109.
- George, A. (1970). The market for "Lemons": Quality uncertainty and the market mechanism. *The Quarterly Journal of Economics*, 84(3), 488-500. <http://doi.org/10.2307/1879431>
- Hansen, B., E. (1999), Threshold effects in non-dynamic panels: Estimation, testing and inference, *Journal of Econometrics*, 93(2), 345-368. [https://doi.org/10.1016/S0304-4076\(99\)00025-1](https://doi.org/10.1016/S0304-4076(99)00025-1)
- Lompo, A. A. B. (2024). How does financial sector development improve tax revenue mobilization for developing countries? *Comparative Economic Studies*, 66, 91-125. <https://doi.org/10.1057/s41294-023-00207-9>
- Nnyanzi, J. B., Bbale, J. M., & Sendi, R. (2018). Financial development and tax revenue: How catalytic are political development and corruption. *International Journal of Economics and Finance*, 10(8), 92-104. <https://doi.org/10.5539/ijef.v10n8p92>
- Omojola, O., Adebogun, O., & Audu, S. (2022). Financial inclusion and tax revenue in Nigeria. *Research Journal of Business and Economic Management*, 5(2), 32-37. <https://doi.org/10.31248/RJBEM2022.084>
- Oz-Yalaman, G. (2019). Financial inclusion and tax revenue. *Central Bank Review*, 19(3), 107-113. <https://doi.org/10.1016/j.cbrev.2019.08.004>
- Oanh, T. T. K., Van, L. T. T., Dinh, L. Q. (2023). Relationship between financial inclusion, monetary policy and financial stability: An analysis in high financial development and low financial development countries. *Heliyon*, 9(6). <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e16647>
- OECD. (2024). *Tax revenue*. <https://data.oecd.org/tax/tax-revenue.htm>
- Raouf, E. (2022). The impact of financial inclusion on tax revenue in EMEA countries: A threshold regression approach. *Borsa Istanbul Review*, 22(6), 1158-1164. <https://doi.org/10.1016/j.bir.2022.08.003>
- Tsaurai, K. (2020). Tax revenue and financial development in emerging markets. *Academy of Accounting and Financial Studies Journal*, 24(5), 1-10. <https://www.abacademies.org/articles/Tax-Revenue-and-Financial-Development-in-Emerging-Markets-1528-2635-24-5-590.pdf>
- Tsaurai, K. (2021). Tax revenue and economic growth in emerging markets: Is financial development relevant? *The Journal of Accounting and Management*, 11(1). <https://www.dj.univ-danubius.ro/index.php/JAM/article/view/498>

- Westerlund, J. (2008). Panel cointegration tests of the Fisher effect. *Journal of Applied Econometrics*, 23(2), 193–223. <https://doi.org/10.1002/jae.967>
- Worlu, C. N., & Nkoro, E. (2012). Tax revenue and economic development in Nigeria: A macroeconometric approach. *Academic Journal of Interdisciplinary Studies*, 1(2), 211-223. <https://citeseerx.ist.psu.edu/document?repid=rep1&type=pdf&doi=ba8fc542ea5efb09a98a60484dccd59d7c957e63#page=211>
- World Bank (2015). *Financial Inclusion and Inclusive Growth*. <https://documents1.worldbank.org/curated/pt/403611493134249446/pdf/WPS8040.pdf>